

Tín dụng ưu đãi đối với chương trình xóa đói giảm nghèo tại Bà Rịa - Vũng Tàu

 Ths. Phạm Thị Phương*
Ths. Mai Thị Bạch Tuyết*

Nhận: 15/10/2019

Biên tập: 05/11/2019

Duyệt đăng 15/11/2019

Xuyên suốt quá trình thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo thì tín dụng ưu đãi có một vai trò rất quan trọng đối với thành công của chương trình này. Ngân hàng Chính sách xã hội sử dụng các nguồn lực tài chính do Nhà nước huy động để cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác vay ưu đãi phục vụ sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, cải thiện đời sống. Chính vì vậy, nâng cao vai trò của tín dụng ưu đãi đối với chương trình xóa đói giảm nghèo nói chung, tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nói riêng là giải pháp mang tính thiết thực nhằm góp phần hoàn thiện công tác xóa đói giảm nghèo.

Từ khóa: Tín dụng ưu đãi, xóa đói giảm nghèo.

Abstract:

The Social Policy Bank will use the financial resources mobilized by the State to provide preferential loans to the poor and other policy beneficiaries for production, business, job creation and livelihood improvement. The need for the program and also for the purpose of considering the preferential credit role for poverty reduction program in Vietnam in general and of Bà Rịa - Vũng Tàu in particular, the implementation of credit programs Government incentives in Bà Rịa - Vũng Tàu are needed. Therefore, "Raising the role of preferential credit for poverty reduction program in Bà Rịa - Vũng Tàu province" is a practical solution to improve the poverty reduction in Bà Rịa - Vũng Tàu.

Key words: preferential credit, poverty reduction.

Ngày 5/2/2007, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 20/2007/QĐ-TTg để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo cho giai đoạn 2016 - 2020. Tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, chương trình xóa đói giảm nghèo đã được thực hiện liên tục trong nhiều năm qua, bắt đầu từ năm 1994 và đã trải qua các giai đoạn. Tuy vậy, việc triển khai

tín dụng ưu đãi đối với chương trình xóa đói giảm nghèo tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đang tồn tại nhiều vấn đề bất cập. Việc nghiên cứu để đưa ra các giải pháp hoàn thiện mang tính thiết thực nhằm nâng cao vai trò của tín dụng ưu đãi đối với chương trình xóa đói giảm nghèo tại địa bàn tỉnh là rất cần thiết và cấp bách.

1. Cơ sở lý thuyết

1.1. Khái niệm, bản chất và vai trò của tín dụng ưu đãi, xóa đói giảm nghèo

1.1.1. Thế nào là tín dụng ưu đãi

Ở Việt Nam, tín dụng ưu đãi là việc sử dụng các nguồn lực tài chính do Nhà nước huy động để cho người nghèo và các đối tượng chính sách vay ưu đãi phục vụ sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, cải thiện đời sống, góp phần thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo, tạo công bằng và ổn định, đảm bảo an sinh xã hội.

1.1.2. Chức năng của tín dụng ưu đãi

Thứ nhất, tín dụng ưu đãi cung cấp nguồn vốn với các điều kiện ưu đãi để cho người nghèo và các đối tượng chính sách vay đầu tư vào sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, tạo thu nhập, góp phần cải thiện thu nhập và mức sống của từng hộ gia đình và thoát nghèo bền vững.

Thứ hai, tín dụng ưu đãi góp phần cùng các ngành khác tạo nền tảng cho việc xóa đói giảm nghèo bền vững và chống tái nghèo.

* Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu

1.1.3. Vai trò của tín dụng ưu đãi.

Thứ nhất, nhờ dòng vốn tín dụng ưu đãi mà cuộc sống của người nghèo được nâng lên, góp phần nâng cao mức sống của cộng đồng người nghèo và bộ mặt kinh tế - xã hội của từng địa phương, của đất nước.

Thứ hai, tín dụng ưu đãi không chỉ có vai trò trong việc nâng cao đời sống kinh tế của người nghèo, mà còn góp phần nâng cao trình độ dân trí cho họ. Bởi vì, khi đời sống kinh tế của người nghèo được nâng lên, họ có điều kiện để tiếp cận các dịch vụ về văn hóa, xã hội, góp phần nâng cao đời sống tinh thần và trình độ dân trí của cộng đồng người nghèo.

Thứ ba, tín dụng ưu đãi có vai trò quan trọng trong việc tạo ý chí vươn lên của người nghèo. Khi người nghèo nhận được dòng vốn ưu đãi, họ cảm thấy như nhận được sự quan tâm của xã hội, họ sẽ có trách nhiệm hơn với đồng vốn nhận được, sẽ phấn đấu vươn lên từ đồng vốn đó để không thua kém người khác, để dễ hòa nhập với cộng đồng, từ đó hình thành trong họ ý chí tự lực vươn lên trong cuộc sống.

Thứ tư, tín dụng ưu đãi góp phần cùng các chương trình, chính sách phát triển kinh tế xã hội khác đưa đất nước thoát khỏi tình trạng nghèo đói.

1.2. Các dự án, chính sách và giải pháp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2016 - 2020

Nhóm chính sách, dự án để tạo điều kiện cho người nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập, bao gồm: Chính sách tín dụng ưu đãi hộ nghèo, Chính sách hỗ trợ đất sản xuất cho hộ nghèo dân tộc thiểu số.

Dự án khuyến nông - lâm - ngư và hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề. Dự án hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo. Dự án dạy nghề cho người nghèo. Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo.

Nhóm chính sách tạo cơ hội để người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội, bao gồm: Chính sách hỗ trợ về y tế cho người nghèo. Chính sách hỗ trợ về giáo dục cho người nghèo. Chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở và nước sinh hoạt. Chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo.

Nhóm dự án nâng cao năng lực và nhận thức: Dự án nâng cao năng lực quản lý người nghèo (bao gồm đào tạo cán bộ giảm nghèo và hoạt động truyền thông). Hoạt động giám sát, đánh giá.

Các giải pháp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2016-2020:

Tiếp tục nâng cao nhận thức, ý chí quyết tâm phấn đấu vươn nghèo để vươn lên làm giàu của chính hộ nghèo, xã nghèo; nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ tham gia công tác giảm nghèo; đề cao trách nhiệm tổ chức thực hiện chương trình của các cấp, các ngành; tăng cường sự tham gia của người dân và giám sát, đánh giá của các cơ quan dân cử, các tổ chức chính trị, đoàn thể.

Kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2016-2020: Tổng kinh phí thực hiện Chương trình: 48.397 tỷ đồng, dự kiến huy động từ các nguồn:

- Ngân sách trung ương: 41.449 tỷ đồng (vốn đầu tư: 29.698 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 11.751 tỷ đồng);

- Ngân sách địa phương: 4.848 tỷ đồng (vốn đầu tư: 3.452 tỷ đồng, vốn sự nghiệp: 1.396 tỷ đồng).

- Vốn huy động hợp pháp khác: 2.100 tỷ đồng.

(Nguồn: Quyết định số 1772/2016/QĐ-TTg ngày 02/09/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2016-2020).

1.3. Kinh nghiệm phát triển tín dụng ưu đãi ở Việt Nam.

Xuyên suốt quá trình thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo thì tín dụng ưu đãi có một vai trò rất quan trọng đối với thành công của chương trình này. Tín dụng ưu đãi được xem là một trong những biện pháp chủ yếu để thực hiện chương trình và giúp người nghèo vươn lên thoát nghèo, góp phần nâng cao đời sống kinh tế của bộ phận dân nghèo và bộ mặt kinh tế của nhiều địa phương. Vì vậy, phát triển tín dụng ưu đãi là sự cần thiết khách quan và tín dụng ưu đãi luôn là biện pháp hữu hiệu để thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo.

Chính vì vậy, chúng ta phải đẩy mạnh phát triển tín dụng ưu đãi để thực hiện thành công chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo giai đoạn 2016 - 2020 và nhằm cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong cuộc sống.

2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp luận: Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật, biện chứng, nghiên cứu các vấn đề lý luận cũng như thực tế có liên quan một cách hệ thống.

- Phương pháp thu thập thông tin: Tìm kiếm nguồn thông tin

- Phương pháp nghiên cứu chủ yếu của đề tài là phân tích, tổng

hợp số liệu thống kê hoạt động của Ban chỉ đạo Xóa đói giảm nghèo và Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, khảo sát và tổng kết thực tế việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo trên địa bàn tỉnh.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng tình hình đói nghèo tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2016-2020

Tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, theo kết quả điều tra rà soát hộ nghèo theo chuẩn đa chiều giai đoạn 2016 - 2020 vừa công bố, Bà Rịa - Vũng Tàu có 14.789 hộ nghèo, trong đó có 3.321 hộ nghèo chỉ có mức thu nhập bình quân 700.000 đồng/người/tháng (khu vực nông thôn) và 900.000 đồng/người/tháng (khu vực thành thị). Con số này cao gấp 1,3 lần so với giai đoạn 2011 - 2015. Theo kết quả điều tra, đa số hộ nghèo trên địa bàn tỉnh thiếu hụt về tiêu chí tham gia bảo hiểm y tế. Trong đó, Long Điền là địa phương có tỷ lệ cao nhất với 89,72%.

Vấn đề đáng nói ở đây là hầu hết hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo đều được hỗ trợ bảo hiểm y tế từ chương trình giảm nghèo, nhưng không được tính là đã tham gia bảo hiểm y tế. Vì vậy, địa phương nào có tỷ lệ hộ nghèo cao đồng nghĩa với việc càng nhiều hộ nghèo thiếu hụt về bảo hiểm y tế.

(Nguồn: Quyết định số 2008/QĐ-UBND ngày 26/7/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

3.1.1. Tình hình hộ nghèo của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn (2016-2020):

Với chuẩn nghèo này thì theo kết quả điều tra của Ban chỉ đạo Xóa đói giảm nghèo tỉnh, số hộ

nghèo của giai đoạn 2016 - 2020 trên từng địa bàn trong tỉnh như bảng 1.

3.1.2. Đánh giá thực trạng tình hình đói nghèo

Theo kết quả điều tra của Ban chỉ đạo Xóa đói giảm nghèo tỉnh thì nguyên nhân dẫn đến tình trạng đói nghèo của số hộ nghèo này bao gồm:

- Thiếu vốn để sản xuất: 28,2%.
- Thiếu kinh nghiệm làm ăn: 6,5%.

- Thiếu đất, thiếu tư liệu sản xuất: 19%.

- Thiếu việc làm: 16,9%.

- Thiếu lao động: 11,4%.

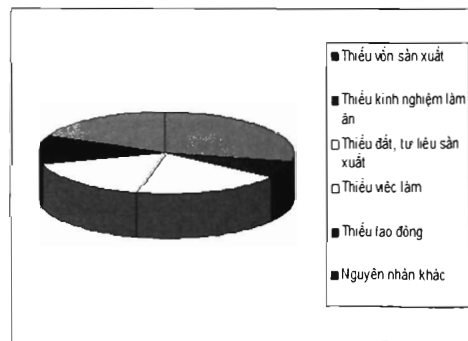
- Các nguyên nhân khác: 18%.

(Biểu đồ 1)
 Về các xã nghèo, vùng nghèo: Toàn tỉnh có 50 xã, trong đó có 21 xã thuộc khu vực II, 9 xã thuộc khu vực III. Theo Quyết định 50/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về tiêu chí xác định thôn đặc biệt khó

Bảng 1. Số liệu hộ nghèo giai đoạn (2016-2020)

T	T	Địa bàn	Số hộ dân	Số hộ nghèo	Tỷ lệ số hộ dân %	Trong đó:		
						Hộ nghèo thành thị	Hộ nghèo nông thôn	Hộ cận nghèo
1		Tp Vũng Tàu	76.614	1.678	2,19	590	332	756
2		Tp Bà Rịa	25.304	990	3,91	272	94	624
3		H. Châu Đức	36.119	1.653	4,58	146	847	660
4		H. Xuyên Mộc	35.749	2.243	6,29	66	959	1.218
5		H. Long Điền	31.377	1.588	5,08	503	210	875
6		H. Đất Đỏ	19.217	664	3,46	247	139	278
7		H Tân Thành	35.221	1.184	3,36	36	544	604
8		H Côn Đảo	1.613	12	1,08	1	-	11
Cộng			261.214	10.012	3,83	1.861	3.125	5.026

Biểu đồ 1. Nguyên nhân tình trạng đói nghèo ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2016 - 2020.



(Nguồn: Quyết định số 2008/QĐ-UBND ngày 26/7/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu).

khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi được xác định theo ba khu vực: Xã khu vực III là xã có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn; xã khu vực II là xã có điều kiện kinh tế – xã hội còn khó khăn nhưng đã tạm thời ổn định; xã khu vực I là các xã còn lại

Xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi được xác định theo ba khu vực: Xã khu vực III là xã có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn; xã khu vực II là xã có điều kiện kinh tế – xã hội còn khó khăn nhưng đã tạm thời ổn định; xã khu vực I là các xã còn lại

3.1.3. Kết quả thực hiện các dự án, chính sách thuộc chương trình xóa đói giảm nghèo

Chính sách tín dụng ưu đãi hộ nghèo do Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đảm nhận. Theo báo cáo của Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, 6 tháng đầu năm 2018, đơn vị đã tập trung triển khai thực hiện các giải pháp, đáp ứng nhu cầu vay vốn của hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác; qua đó góp phần cải thiện đời sống, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm mục tiêu an sinh xã hội và giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng không ngừng củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động, đáp ứng theo mục tiêu, kế hoạch đã đề ra. Trong 6 tháng đầu năm 2018, tổng doanh số cho vay các chương trình tín dụng của Ngân hàng là gần 434 tỷ đồng với 15.082 lượt hộ nghèo và đối tượng chính sách được vay vốn. Riêng chương trình cho vay xây dựng nông thôn mới, tính đến cuối tháng 6/2018, dư nợ của Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đạt hơn 1.258 tỷ đồng.

Về hoạt động ủy thác cho vay qua các tổ chức hội đoàn thể, tính đến hết tháng 6/2018, tổng dư nợ ủy thác cho vay hơn 2.026 tỷ đồng. Nhìn chung, các chương trình tín

dụng của Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đều cho vay đúng đối tượng, góp phần xóa đói giảm nghèo.

3.2. Giải pháp nâng cao vai trò của tín dụng ưu đãi đối với chương trình xóa đói giảm nghèo tại tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

3.2.1. Các giải pháp đối với Ngân hàng Chính sách xã hội – Việt Nam

Nâng số thành viên tối đa mà mỗi tổ tiết kiệm và vay vốn (Tổ TK&VV) được quản lý:

Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam thay đổi Điểm 4.1, Điều 4, Chương 1 của Quyết định 783/QĐ-HDQT ngày 29/7/2003 về việc nâng số thành viên tối đa của mỗi tổ lên 70 hộ để Chi nhánh có thể vận dụng vào phát triển tín dụng ưu đãi tại tỉnh Đồng Nai. Bên cạnh đó, đổi với hoạt động của các tổ TK&VV, ngoài việc khống chế số thành viên tối đa nên khống chế mức dư nợ tối đa mà mỗi tổ quản lý. Mức dư nợ tối đa mà mỗi tổ quản lý khoảng 1 tỷ đồng.

Thực hiện buy động tiết kiệm của người nghèo thông qua các tổ TK&VV:

Việc huy động tiết kiệm của người nghèo đã được quy định tại Điều 8, Chương 2 của Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 4/10/2002 của Chính phủ. Tuy nhiên, ở tỉnh Đồng Nai trong thời gian qua chưa thực hiện việc huy động tiết kiệm này. Vì vậy, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh có thể thực hiện ngay việc huy động tiết kiệm này nhằm tạo lập thêm nguồn vốn cho phát triển tín dụng ưu đãi để thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo của tỉnh.

3.2.2. Giải pháp đối với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu:

Tạo lập nguồn vốn cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh:

Hàng năm, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh kiến nghị với Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước để chỉ đạo việc duy trì số dư tiền gửi của các tổ chức tín dụng nhà nước tại Ngân hàng Chính sách xã hội và với UBND tỉnh để thực hiện và chỉ đạo UBND các huyện trích một phần từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi để chuyển vốn cho Ngân hàng Chính sách xã hội.

Đẩy mạnh việc tập huấn để nâng cao năng lực thực hiện tín dụng ưu đãi cho các tổ chức CT-XH nhận ủy thác, các ban quản lý tổ TK&VV

Việc tập huấn phải được tổ chức ít nhất 1 lần/năm với phương châm “cầm tay chỉ việc”. Việc tập huấn phải được kiểm tra, đánh giá sau khi kết thúc và kết quả tập huấn phải được thông báo trở lại cho các tổ chức chính trị – xã hội và các tổ TK&VV để họ biết được kết quả học tập của mình, kết quả tập huấn phải được coi là một tiêu chí để đánh giá chất lượng nhận ủy thác của các tổ chức chính trị – xã hội và các tổ TK&VV đối với việc phát triển tín dụng ưu đãi.

3.2.3. Giải pháp hỗ trợ đối với Chính phủ: Xây dựng chương trình tín dụng ưu đãi để thực hiện cho vay đối với các hộ mới vượt chuẩn nghèo và hộ cận nghèo.

Nguồn vốn để cho vay: Sử dụng ngân sách Trung ương hoặc ngân sách của địa phương. Đối tượng cho vay: Những hộ vừa mới vượt nghèo của năm và những hộ có mức thu nhập dưới 1,5 lần so với mức thu nhập bình quân của người nghèo (Đối với hộ thành thị: thu

nhập bình quân đầu người từ 600.000 đồng/tháng trở xuống, đối với hộ nông thôn: thu nhập bình quân đầu người từ 375.000 đồng/tháng trở xuống). Mục đích sử dụng vốn vay: Tiếp tục đầu tư vào các dự án sản xuất kinh doanh đã góp phần làm cho hộ thoát nghèo. Mức cho vay: Theo từng dự án cụ thể nhưng tối đa bằng mức vốn đã cho vay của chương trình hộ nghèo trước đó. Thời gian cho vay: Tối đa 12 tháng để người vay thực hiện dự án sản xuất kinh doanh thêm 1 chu kỳ. Lãi suất cho vay: bằng lãi suất cho vay hộ nghèo.

3.2.4. Để ra các nghị quyết chuyên đề để thực hiện phát triển tín dụng ưu đãi cho chương trình xóa đói giảm nghèo của tỉnh.

Cần cứ vào chỉ tiêu kế hoạch và tiến độ thực hiện tín dụng ưu đãi cho chương trình xóa đói giảm nghèo ở các địa phương trong tỉnh, cấp ủy các cấp đề ra nghị quyết để huy động các nguồn lực đẩy nhanh tiến độ và hiệu quả thực hiện phát triển tín dụng ưu đãi. Nội dung của nghị quyết chuyên đề về phát triển tín dụng ưu đãi gồm: tăng cường nguồn vốn, thực hiện chỉ tiêu cho vay, lựa chọn đối tượng đầu tư, số hộ nghèo phải được đầu tư vốn, kết quả thu lãi, thu nợ, tỷ lệ nợ quá hạn và giảm tỷ lệ hộ nghèo đến cuối năm.

3.2.5. Đẩy mạnh sự phối hợp, lồng ghép chặt chẽ và thường xuyên giữa đầu tư vốn tín dụng ưu đãi và dạy nghề, tập huấn khuyến nông để nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của hộ nghèo.

Hàng năm, Trung tâm Khuyến nông tỉnh tiến hành tổ chức tập huấn cho người nghèo ngay sau khi được vay vốn hoặc trước mùa vụ sản xuất kinh doanh.

3.2.6. Giải pháp hỗ trợ đối với các tổ chức chính trị - xã hội: Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn đối với hộ vay của các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác và các tổ TK&VV.

Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng hoặc đột xuất các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ TK&VV phối hợp cùng chính quyền địa phương, đơn vị ủy thác (NHC-SXH) tiến hành kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay của bà con hộ nghèo. Bên cạnh đó, phải thường xuyên giáo dục, tuyên truyền trong cộng đồng người nghèo các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về các chương trình tín dụng ưu đãi, về quyền lợi và nghĩa vụ của người được vay vốn để người nghèo hiểu, thực hiện đúng và không bị lợi dụng.

3.2.7. Giải pháp hỗ trợ đối với người nghèo: Nâng cao ý chí tự lực vươn lên của người nghèo.

Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, các phong trào thi đua tại địa bàn cấp, công tác vận động, tuyên truyền của cán bộ làm công tác xóa đói giảm nghèo tại cơ sở tác động trực tiếp đến ý chí của người nghèo. Thường xuyên sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng trong tỉnh thường xuyên tuyên truyền, vận động người nghèo phấn đấu để vươn lên, thông qua công tác vận động, tuyên truyền của cán bộ làm công tác xóa đói giảm nghèo tại cơ sở, xây dựng các phong trào thi đua sản xuất tại địa bàn dân cư; phổ biến và giới thiệu các mô hình làm ăn giỏi, nhân rộng các mô hình sản xuất giỏi trong cộng đồng dân cư để người nghèo học tập, qua đó tác động đến ý chí tự lực vượt qua khó khăn để vươn lên của người nghèo.

Kết luận:

Xóa đói giảm nghèo là một chương trình mục tiêu quốc gia, được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm. Thành công của chương

trình là do có sự phối hợp, cộng đồng trách nhiệm giữa các bộ, ban, ngành, chính quyền địa phương các cấp trong cả nước và đặc biệt là sự nỗ lực phấn đấu để vươn lên trong cuộc sống của chính bản thân người nghèo. Thành công của chương trình có sự đóng góp không nhỏ của việc phát triển tín dụng ưu đãi.

Xuyên suốt quá trình thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thì tín dụng ưu đãi không ngừng thể hiện vai trò và tầm quan trọng đối với việc thực hiện chương trình. Tín dụng ưu đãi được xem là một trong những biện pháp hữu hiệu và chủ yếu để thực hiện chương trình. Vì vậy, cần đẩy mạnh việc phát triển tín dụng ưu đãi cho chương trình xóa đói giảm nghèo của tỉnh. ■

Tài liệu tham khảo

[1] Quyết định số 1772/2016/QĐ-TTg ngày 02/09/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2016-2020.

[2] Dự án đào tạo cán bộ làm công tác Xóa đói giảm nghèo - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Tài liệu tập huấn dành cho cán bộ làm công tác xóa đói giảm nghèo cấp tỉnh và huyện, xã, thôn, bản Nhà xuất bản Lao động - Xã hội, Hà Nội

[3] Nghị quyết số 30/A/2008/NQ-CP của Chính phủ Về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo.

[4] Quyết định số 2008/QĐ-UBND ngày 26/7/2016 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

[5] KH số 22/KH-UBND ngày 28/2/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

[6] Ban chỉ đạo giảm nghèo tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Báo cáo kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.